TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG VĂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 16 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Long

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Ngọc Thanh

2/ Ông Vàng Mí Chứ

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Châu Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, tham gia phiên toà*: Ông Vàng Mí Chứ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

LÝ ĐỨC T, sinh ngày 25/8/2000; tại thị trấn Đ huyện Đ tỉnh H; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp; Không; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lý Văn L (đã chết) và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cứ trú theo Quyết định số 03/HSST-QĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh H, có mặt.

- Người đại diện cho bị cáo: Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trợ giúp viên pháp lý; Nơi công tac: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

- *Bị hại*: Hoàng Thị H, sinh năm 1936;
Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H, có mặt

- *Người làm chứng*:
1. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H, có mặt

2. Chị Đào Thị S, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H, vắng mặt
3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Đức T, sinh ngày 25/8/2000 là cháu nội sinh sống cùng nhà với bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936 tại Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H. Khoảng 14 giờ ngày 24/7/2018, khi thấy ông Hoàng Văn L, sinh năm 1966 trú cùng thôn (cháu gọi bà H bằng cô) đến đón bà H xuống nhà ông L chơi, khi còn một mình ở nhà, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản (tiền) của bà H. T dùng điện thoại vào mạng internet để xem cách làm chìa khóa bằng vỏ lon bia, khoảng 15 giờ T đi lấy 01 vỏ lon bia Sài Gòn, vào trong nhà đóng cửa, cài khóa trái bên trong, T lấy 01 cái kéo bằng kim loại ra ngồi ở ghế phòng khách để cắt một miếng vỏ lon bia thành hình chữ nhật, sau đó cắt tiếp thành hình chữ (T) rồi gập lại thành hình chữ (L) để làm chìa khóa. Sau đó T đi vào trong buồng ngủ của bà H dùng tay kéo chiếc hòm tôn để dưới gầm giường ra và ngồi xuống nền nhà, một tay cầm khóa hòm, một tay phải cầm chiếc chìa khóa tự tạo đút vào trong ổ khóa và vặn mạnh một cái thì móc khóa hòm bật ra. Sau khi mở được hòm, T thấy trong hòm có để nhiều quần áo và có 01 bọc được gói bằng khăn tay cũ, T mở ra kiểm tra thấy có 05 tệp tiền Việt Nam, loại mệnh giá 500.000 đ (*Năm trăm nghìn đồng*) được buộc bằng dây nịt, có 04 tệp tiền, mỗi tệp là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng); còn 01 tệp tiền là 7.000.000 đ (*Bảy triệu đồng*). T lấy 01 tệp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và 01 tệp 7.000.000 đ (*Bảy triệu đồng*), tổng cộng là: 17.000.000 đ (*Mười bảy triệu đồng*), đút vào túi quần, còn 03 tệp T gói lại và để vào vị trí cũ sau đó khóa hòm lại và đẩy vào gầm giường như vị trí ban đầu. Sau khi trộm cắp được tiền, T cầm phần vỏ lon bia còn lại đem đi vứt xuống rãnh thoát nước ngoài đường, rồi lấy xe máy đi xuống Trung tâm thị trấn Đ, khi đến Bến xe khách huyện Đ, T vứt chiếc chìa khóa tự chế bằng vào thùng rác tại bến xe khách rồi tiếp tục đi xuống trung tâm thị trấn Đ, khoảng 17 giờ cùng ngày. T gọi điện cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, trú tại Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ hỏi H đang ở đâu để T trả tiền, do H về quê ở huyện S, tỉnh T nên có bảo lại với T là: "Cứ đưa cho mẹ của anh", khi nghe H nói vậy T đã đi xuống nhà H và đưa số tiền 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*) cho mẹ H là bà Đào Thị S, số tiền còn lại: 7.000.000 đ (*Bảy triệu đồng*) T đem đi trả nợ ở các quán nước, trả tiền chơi điện tử và chi tiêu hết.

Bà Hoàng Thị H sau khi ăn cơm tối xong, khoảng 18 giờ cùng ngày được ông Hoàng Văn L đưa về nhà, khi vào nhà thấy cửa nhà không khóa, không có ai ở nhà, bà H đã đi vào trong buồng ngủ kiểm tra số tiền để trong hòm dưới gầm giường thì phát hiện bị mất 02 tệp tổng cộng là 17.000.000 đ (*Mười bảy triệu đồng*), bà H đã gọi điện cho ông L lên nhà cùng kiểm tra, sau đó ông L đã gọi điện báo cho Công an thị

trấn Đ, vụ việc được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp nhận điều tra. Trong lúc cơ quan CSĐT đang tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập các dấu vết, tài liệu có liên quan đến việc mất trộm tiền, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Lý Đức T trở về nhà. Qua xác minh của cơ quan CSĐT, Lý Đức T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của bà Hoàng Thị H.

Vật chứng được thu giữ tại hiện trường gồm:

- 01 cái khóa hòm màu đen, một mặt có chữ tượng hình kiểu chữ Trung Quốc.
- 01 chiếc kéo bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20cm.
- 01 vỏ lon bia nhãn hiệu SAIGON bị cắt 2/3 thân vỏ lon bia.

Tại Cơ quan Cơ quan điều tra, Lý Đức T thừa nhận: Do nợ tiền quán nước và các quán điện tử nên đầu tháng 6/2018 Thành đã vay tiền của Nguyễn Văn H 02 lần; lần thứ nhất 12.000.000 đ (*Mười hai triệu đồng*), lần thứ hai 8.000.000 đ (*Tám triệu đồng*) (cả hai lần không lãi xuất). Đầu tháng 7/2018 T xin tiền mẹ trả cho H 5.000.000 đ (*Măm triệu đồng*), đến ngày 24/7/2018 H gọi điện và bảo T trả số tiền còn lại, do không có tiền nên T đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền của bà Hoàng Thị H để trả nợ cho H.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Văn H khai nhận do quen biết và chơi thân với Lý Đức T nên khoảng đầu tháng 6/2018 H đã cho T vay 02 lần tiền tổng cộng là 20.000.000 đ (*Hai mươi triệu đồng*), đầu tháng 7/2018 T đã trả cho H số tiền 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*). Đến ngày 24/7/2018 Nguyễn Văn H về quê do cần tiền nên đã gọi điện bảo T trả số tiền còn lại, khi T gọi điện cho Hạnh để trả tiền, do H không ở huyện Đ nên đã bảo T đưa tiền cho mẹ mình là bà Đào Thị S, trú tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ nhận hộ, sau khi biết số tiền 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*) là tiền do T trộm cắp, nên ngày 25/7/2018 bà S đã tự nguyện đem số tiền trên giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Tại bản kết luận số: 289/KL-PC54 ngày 23/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viên kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 91; Điều 100; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lý Đức T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; về xử lý vật chứng: Trả lại ngay cho bà Hoàng Thị H tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); về án phí bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến. Về tội danh nhất trí như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát; về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36, 91, 100; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lý Đức T không có ý kiến đối đáp, tranh luận bổ sung đối với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai mà các bị cáo đã khai trước đó tại cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án và phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định, lời khai của người bị hại; biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, truy tố bị cáo Lý Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 91; Điều 100; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2018, Lý Đức T đã trộm cắp của bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936; trú tại: Thôn Đoàn Kết thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H số tiền 17.000.000 đ (*Mười bảy triệu đồng*). Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Xét thấy hành vi phạm tội của Lý Đức T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội ngày 24/7/2018 bị cáo Lý Đức T mới đủ 17 tuổi 11 tháng 29 ngày, nhận thức và hiểu pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các quy định của pháp luạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải về hành vi phạm tội của mình, ở địa phương bị cáo chưa bị tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36, Điều 100 của Bộ luật Hình sự để bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có tác dụng giáo dục và phòng người chung.

Về thực hiện nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ, do bị cáo vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, không có nghề nghiệp,chưa có việc làm, không có thu nhập, bố của bị cáo đã chết, cuộc sống chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập của mẹ, vì vậy cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Hoàng Thị H có đơn đề nghị Hội đồng xét xử trả lại ngay số tiền mà cơ quan điều tra đã tạm giữ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã sử dụng. Xét thấy, bà Hoàng Thị H đã 82 tuổi, sức khỏe yếu nên việc bà H xin trả lại ngay số tiền do Cơ quan điều tra đã tạm giữ để chi tiêu, chăm sóc sức khỏe là cần thiết, đồng thời bà H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) với lý do Lý Đức T là cháu nội, yêu cầu của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Văn đã thu giữ: 01 cái khóa hòm màu đen, một mặt có chữ tượng hình kiểu chữ Trung Quốc; 01 chiếc kéo bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20cm; 01 vỏ lon bia nhãn hiệu SAIGON bị cắt 2/3 thân vỏ lon bia. Xét thấy các vật chứng không còn giá trịnh sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lý Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Lý Đức T, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 91; Điều 36; 91; 100; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Lý Đức T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ và bản sao Bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Lý Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại bà Hoàng Thị H số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo Ủy nhiệm chi số 25, ngày 26 tháng 10 năm 2018; đơn vị trả tiền: Công an huyện Đ, tỉnh H; đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 cái khóa hòm màu đen, một mặt có chữ tượng hình kiểu chữ Trung Quốc; 01 chiếc kéo bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20cm; 01 vỏ lon bia nhãn hiệu SAIGON bị cắt 2/3 thân vỏ lon bia.

Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh H và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H, ngày 26 tháng 10 năm 2018.

- Về án phí sơ thẩm hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Bị cáo Lý Đức T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Sở tư pháp H;
- Phòng PC 10 CA tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Long